

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:170/2019/HS-ST  
Ngày: 28-11-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Hiền

Bà Đỗ Thị Vân Anh

**- Thư ký phiên tòa :** Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên .

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 164/2019/TLST-HS 14 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 530/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hải T** - Sinh ngày: 27/01/1984 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa:12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Tình và bà Đỗ Thị Thu Loan; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/9/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ ( có mặt)

**- Bị hại:** Nguyễn Văn V3- sinh năm 1978

Địa chỉ: Đội 6, thôn N, xã V2, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh Nguyễn Duy C- sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 38, khu 5, phường V1, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/4/2019, Nguyễn Hải T – sinh năm 1984, HKTT: thôn 7, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti, biển kiểm soát 19A-007.94 với anh Nguyễn Văn V3 - sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: Đội 6, thôn N, xã V2, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, thời hạn thuê xe từ ngày 04/4/2019 đến ngày 04/7/2019, giá thuê là 7.000.000đ/1 tháng, mục đích thuê là chạy dịch vụ taxi. T đặt cọc cho anh V số tiền 5.000.000đ, anh V3 đã giao xe ô tô cùng các giấy tờ xe (bản gốc) cho T gồm: 01 giấy đăng kí xe mang tên Phạm Văn Lâm, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, 01 giấy đăng kiểm, 01 hóa đơn giá trị gia tăng, 01 biên lai thu tiền phí đường bộ. Sau khi anh V3 giao xe ô tô và giấy tờ xe, T sử dụng xe ô tô để chạy taxi. Đến ngày 29/5/2019, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô của anh V3 cho anh Đỗ Khánh D – sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: xã T, huyện B, thành phố Hà Nội để vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Sau khi nhận tiền từ anh D, T giao xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh D giữ.

Khoảng 8 giờ ngày 02/6/2019, T gặp anh Nguyễn Duy C - sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: tổ 38, khu 5, phường V1, thành phố V, tỉnh Phú Thọ cùng là lái xe chạy dịch vụ taxi. T nói chuyện với anh C về việc đang cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 19A - 007.94 cho anh D và có ý định bán chiếc xe ô tô trên. T nói với anh C, chiếc xe ô tô trên T mua lại của anh Phạm Văn L – sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: khu 1, xã H, thành phố V. Do tin tưởng nên anh C đồng ý giúp T chuộc chiếc xe về và sẽ mua lại. Chiều cùng ngày, T cùng anh C, anh Nguyễn Tiến D1 – sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: tổ 18, khu 4, phường C, thành phố V (anh D1 là bạn của anh C) đến đầu cầu Văn Lang thuộc phường Bến Gót, thành phố Việt Trì. Tại đây, anh C đưa cho T 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). T gặp anh D trả số tiền đã vay, đồng thời lấy lại chiếc xe và toàn bộ giấy tờ xe từ anh D. Sau khi lấy xe xong, T, anh C, anh D1 cùng đi về. Đến khu vực đường sắt thuộc khu 4, phường C, thành phố V, T thỏa thuận bán cho anh C chiếc xe ô tô trên với giá 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Anh C đưa tiếp cho T 38.500.000 đồng (*Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền T đã nhận được từ việc mua bán xe ô tô cho anh C là 88.500.000 đồng (*tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*). T và anh C thỏa thuận khi nào làm xong thủ tục mua bán xe, anh C sẽ trả số tiền còn lại cho T. Sau đó, T viết 01 giấy bán xe cho anh C và giao xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh C. Số tiền 38.500.000 đồng (*Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) T đã chi tiêu cá nhân hết. Khi hết hạn thuê xe, anh V3 yêu cầu T trả xe

nhưng do T đã bán chiếc xe trên và không có khả năng trả lại tài sản cho anh V3 nên anh V3 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Việt Trì. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hải T đã khai nhận toàn bộ hành vi lợi dụng sự tín nhiệm để thuê xe của anh V3, sau đó đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và không có khả năng trả lại cho anh V3 như đã nêu trên.

Ngày 07/8/2019, anh Nguyễn Duy C giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti BKS 19A-007.94; 01 chìa khóa xe; 01 biên lai thu phí đường bộ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Phạm Văn L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Phạm Văn L; 01 giấy chứng nhận đăng kiểm an toàn kỹ thuật; 01 hóa đơn giá trị gia tăng và 01 giấy bán xe.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu định giá chiếc xe ô tô trên của anh V. Tại kết luận định giá số 119/2019/HĐĐG-KL ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì, kết luận: “Chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu Daewoo Lacettise-1 sản xuất năm 2011, màu ghi, biển kiểm soát 19A-007.94 (số máy F18D38725131, số khung F46DBH901273) có giá là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng)”.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti, BKS 19A-007.94 là của anh Phạm Văn L – sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: khu 1, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Năm 2013, anh L bán cho anh Tạ Đức H – sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: khu 3, xã V2, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2018, anh Nguyễn Văn V3 mua lại của anh Tạ Đức Hùng để chạy dịch vụ taxi. Ngày 19/9/2019, Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe ô tô trên cùng các giấy tờ xe gồm 01 biên lai thu phí đường bộ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Phạm Văn L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Phạm Văn L; 01 giấy chứng nhận đăng kiểm an toàn kỹ thuật; 01 hóa đơn giá trị gia tăng và 01 chìa khóa xe cho anh V3 là chủ sở hữu. Anh V3 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu T bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bản Cáo trạng số: 179/CT-VKS-VT ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Hải T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung hoặc thay đổi nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T từ 30 (ba mươi) tháng đến 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời

hạn tù tính từ ngày 11/9/2019, không áp dụng hình phạt bổ sung; đề nghị để xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái, bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đúng thời hạn do pháp luật quy định nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai đầy đủ, đã trình bày ý của mình về các vấn đề có liên quan trong vụ án nên sự vắng mặt tại phiên tòa của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

#### **[2] Về nội dung:**

*Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:* Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hải T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 02/6/2019, tại khu 4, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Hải T đã thực hiện hành vi bán chiếc xe ô tô BKS 19A-007.94 nhãn hiệu Daewoo Lacetti trị giá 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) mà T thuê của anh Nguyễn Văn V3 cho anh Nguyễn Duy C lấy số tiền 88.500.000 đồng (*Tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) để chi tiêu cá nhân

và không có khả năng trả lại tài sản cho anh V3. Tài sản chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho bị hại.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, nội dung điều luật quy định:

**Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

*b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.*

*Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu của cá nhân được nhà nước bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận biết hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do mục đích tư lợi cá nhân đã thuê tài sản của người khác rồi mang bán, cố ý thực hiện tội phạm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tiền án tiền sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Để có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung tội phạm, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, xét thấy bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

*Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:*

- Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti, BKS 19A-007.94, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn V3 là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với anh Đỗ Khánh D vì tin tưởng xe ô tô là của T nên anh Duyệt cho T vay tiền mà không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Duy C: Khi mua xe của T, anh C không biết chiếc xe này là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh C yêu cầu T trả lại cho anh số tiền 88.500.000đ (*Tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Tiến D1 là người đi cùng T và anh C lấy xe từ chỗ của anh D: anh D1 không được hưởng lợi gì từ việc mua bán xe giữa T và anh C nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với yêu cầu của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bị cáo không có ý kiến gì.

*[3] Về án phí:*

- Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do những yêu cầu về trách nhiệm dân sự của anh Nguyễn Duy C đối với bị cáo được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho anh C theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/9/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hải T.

2 Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì đã trao trả cho anh Nguyễn Văn V3 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO LACETTI, BKS 19A-007.94 cùng toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô (theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/9/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì và anh Nguyễn Văn V).

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy C đối với bị cáo Nguyễn Hải T: Buộc Nguyễn Hải T phải trả cho anh Nguyễn Duy C số tiền 88.500.000 đồng (Tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hải T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hải T phải chịu 4.425.000đ (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Công an thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Trại Tạm giam;
- Chi cục THADS, THAHS TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Phong Phú, Đoan Hùng Phú Thọ;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Thanh Huyền**







